

Gác chuông chùa Bồ Đề được phục hồi vào những năm đầu của thập niên 90 thế kỷ XX. Vị trí gác chuông hiện nay vốn là tam quan chùa trước kia. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, tam quan chùa bị hư hỏng. Sau này dân làng xây dựng lại 2 tầng, tầng trên dùng để treo quả chuông đồng, tầng dưới là cổng đi vào chùa Bồ Đề.

Hệ thống tượng trong chùa Bồ Đề tương đối phong phú và cơ bản có đủ các pho tượng cần thiết trong Phật điện của một ngôi chùa Việt. Trong đó tiêu biểu là 6 pho tượng cổ có giá trị nghệ thuật tạo tác tượng tròn thời Nguyễn, thế kỷ XIX: Ngọc Hoàng, Thánh Tăng, Kim Đồng, Ngọc Nữ, Quan âm Tống tử, Tứ Bồ tát. Bên cạnh đó, các pho tượng thờ mới đều được tạo tác đẹp, với sự tiếp thu kỹ thuật tạc tượng truyền thống của ông cha, thể hiện được tính chất, nét dung nhan cho từng pho tượng.

Chùa Bồ Đề còn lưu giữ được một số cổ vật có giá trị lịch sử, khoa học: Chuông đồng “Bồ Đề tự chung” (tức chuông chùa Bồ Đề), niên đại đúc chuông năm Minh Mệnh thập nhị niên (tức năm Minh Mệnh thứ 20 - năm 1839), là loại chuông đại, một trong những quả chuông có kích thước lớn của tỉnh Phú Thọ và các cổ vật chất liệu gốm sứ: Bát con thuộc dòng men lam thời Nguyễn, lư hương gốm Thổ Hà, bát hương gốm da lươn...

Hiện chưa có cơ sở để khẳng định được niên đại xây dựng chính xác chùa Bồ Đề. Trên cơ sở một số pho tượng cổ mang phong cách tạo tác tượng tròn thời Nguyễn, thế kỷ XIX, một số cổ vật (chuông đồng), có thể đoán định niên đại xây dựng xây dựng chùa Bồ Đề vào thời Nguyễn, đầu thế kỷ XIX. Theo các cụ, ngôi chùa đã được tu sửa nhiều lần vào các năm 1936, 1974, 2004 và lần gần đây nhất năm 2006, thay rui, hoành và thay thế ngói lợp mái chùa.

27. TỪ ĐƯỜNG HỌ NGUYỄN TAM SƠN - XÃ XUÂN LŨNG (Xếp hạng năm 1999)



Từ đường họ Nguyễn Tam Sơn (trong nhân dân còn gọi Nhà thờ họ Nguyễn Tam Sơn), được xây dựng ở xóm Nội, xã Xuân Lũng, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Từ đường họ Nguyễn Tam Sơn thờ các vị tổ của dòng họ Nguyễn ở Xuân Lũng. Gọi là họ Nguyễn Tam Sơn vì cụ tổ làm quan dưới triều Lê, có nhiều công lao đóng góp cho đất nước nên được triều đình nhà Lê ban tặng cho ba ngọn đồi ở quê làm đất thế nghiệp. Vì vậy, dòng họ thường được quen gọi là họ Nguyễn Tam Sơn hoặc gọi tắt là họ Tam Sơn. Ngoài ra, dòng họ còn được nhiều người gọi bằng cái tên đầy kính trọng là họ “Tam Sơn tiết nghĩa” vì trong dòng họ này có Bảng nhãn Nguyễn Mẫn Đốc quên mình tử tiết vì vua Lê, được lập đền thờ “Bảng nhãn tiết nghĩa từ” cũng tại xã Xuân Lũng. Từ đường thờ vị Tổ của dòng họ Tam Sơn tại Xuân Lũng là Nguyễn Doãn Cung, một nhà khoa bảng lớn thời Lê Sơ. Theo “Trùng thủy bi ký” tại xã Xuân Lũng và gia phả dòng họ Tam Sơn thì Nguyễn Doãn Cung sống vào khoảng giữa thế kỷ XV, dưới triều Lê Sơ. Trong



khoa thi năm Kỷ Sửu (1469) dưới triều vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Quang Thuận thứ 10, Nguyễn Doãn Cung đỗ Đệ Tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm 37 tuổi. Ông cũng từng được nhà vua cử sang sứ nhà Minh, thăng đến chức Tả thị lang.

Theo gia phả dòng họ Nguyễn Tam Sơn thì quan tả thị lang Bộ Lại Nguyễn Doãn Cung về nghỉ tháng 11 năm Tân Dậu (1510), được vua ban cho 8 chữ vàng “Đặc Tiến Kim Tứ Vinh Lộc Đại Thu” và 3 khu rừng ở quê làm đất thế nghiệp là rừng Thính, rừng Lăng và rừng Chặng. Từ đó dòng họ này được gọi là họ Tam Sơn. Trong thời gian nghỉ ở quê hương, Nguyễn Doãn Cung luôn truyền bá văn hóa và còn là ông tổ của nghề ép dầu dộc ở làng Dòng, nghề này còn tồn tại cho mãi đến đầu thế kỷ XX mới bị mai một. Ông cũng có công trong việc khai khẩn phát nương phá dẫy. Nhân dân yêu mến gọi ông là quan Nghè hay quan Tả lại. Nguyễn Doãn Cung mất vào ngày 12/5 âm lịch, được coi là ngày giỗ hàng năm, mộ táng tại rừng Lăng.

Nguyễn Doãn Cung sinh được 4 người con: Con trai cả là Nguyễn Thừa Thôi, đậu cử nhân và làm quan Tri phủ. Con trai thứ là Nguyễn Thừa Bật, đậu cử nhân và vào học trường Quốc

Tử Giám nhưng vì có loạn nhà Mạc nên không thi tiến sĩ mà về làng Dòng dạy học. Ông còn là tác giả của hai văn bia về việc trùng tu chùa và gác chuông chùa Phổ Quang. Con trai thứ 3 là Nguyễn Mẫn Đốc (1492 - 1522), đậu Cử nhân, dự kỳ thi Hội năm Mậu dần 1518, đỗ Đệ nhất giáp tiến sĩ hàng thứ 2 (Bảng nhãn), làm quan tới chức Thị thư Viện Hàn lâm, nhân dân quen gọi là ông Bảng Dòng. Khi Mạc Đăng Dung tiếm ngôi vua Lê, Bảng nhãn Nguyễn Mẫn Đốc cùng Trạng nguyên Vũ Duệ thì theo vua vào Thanh Hóa. Trong một cuộc giao tranh với quân Mạc, biết không thể thoát, Nguyễn Mẫn Đốc cùng Vũ Duệ đã bái lạy về lăng Thái tổ rồi tử tiết. Sau này ông được phong làm Thượng đẳng thần và được lập đền thờ “Bảng nhãn tiết nghĩa tử” tại quê nhà. Con gái thứ 4 lấy Nguyễn Hăng đỗ hương tiến đời Hồng Thuận, học trường Quốc Tử Giám nhưng không thi Hội, là một văn sĩ có tài thơ nổi tiếng lúc bấy giờ, hiệu là Lại Hiên và được nhà Lê phong cho 4 chữ “Thảo Mao Dật Sĩ”, hiện có đền thờ tại Xuân Lũng là “Dật sĩ tử”.

Được phục hồi năm 1997, tu bổ năm 2016, từ đường họ Nguyễn Tam Sơn kiến trúc kiểu chữ Nhất (-), 1 tòa, 3 gian, kiểu nhà 2 mái, tường hồi bít đốc, kết cấu bộ khung BTCT, bộ vì nóc kiểu “Thượng giá chiêng - hạ kẻ, mặt chính diện tạo 3 khuôn cửa bức bàn kiểu ván huỳnh hai mặt, phía ngoài tạo trụ hiều đắp trát các họa tiết, phù điêu truyền thống. Hai đầu hồi làm cửa sổ chữ Phúc hình chữ nhật, nan và con kê bằng BTCT. Bờ nóc hai đầu kim đắp vân xoắn, chính giữa đắp cuốn thư, trên đắp chữ Hán “Tam Sơn Nguyễn tộc”. Đòn tay, rui, diềm mái làm bằng gỗ xoan đào, mái lợp ngói mũi truyền thống. Di tích Từ đường họ Nguyễn Tam Sơn còn lưu giữ một số cổ vật có giá trị về kỹ, mỹ thuật cổ mang phong cách chạm khắc thế kỷ XIX như: Ngai thờ, sập thờ, câu đối, đại tự, lư hương gốm sứ, tài liệu chữ Hán...

28. NHÀ THỜ HỌ NGUYỄN BA NGÀNH - XÃ XUÂN LŨNG (Xếp hạng năm 1999)



Nhà thờ họ Nguyễn Ba Ngành thuộc thôn Vạn Phúc, xã Xuân Lũng là nơi thờ các vị tổ của họ Nguyễn Ba Ngành, một trong những dòng họ lớn có công khai phá và xây dựng làng Dòng xưa (Xuân Lũng ngày nay). Đặc biệt, trong đó có nhà khoa bảng nổi tiếng của tỉnh Phú Thọ, một trong các vị tiến sĩ huyện Sơn Vi thời Lê - Mạc là Nguyễn Chính Tuân.

Nguyễn Chính Tuân (có sách chép là Nguyễn Sỹ Tuân) hiện chưa rõ năm sinh, năm mất, chỉ biết là ông sống vào cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI, dưới thời Lê - Mạc.



Thời đại mà Nguyễn Chính Tuân sống là một giai đoạn loạn lạc, suy sụp của nhà Lê, xã hội Đại Việt rơi vào một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc khi các triều vua Lê: Lê Uy Mục (1505 - 1509), Lê Tương Dực (1510 - 1516), sa ngã, quan lại địa phương ra sức hoành hành, bóc lột nhân dân, khiến cho nhân dân vô cùng khổ cực. Liên tiếp các cuộc khởi nghĩa nổ ra từ miền xuôi đến miền ngược. Năm 1527, Mạc Đăng Dung phế bỏ nhà Lê, lập ra nhà Mạc, gây sự chống đối của các cựu thần nhà Lê. Cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều diễn ra hàng chục năm trời, mùa màng bị tàn phá, nhân dân đói khổ, đất nước kiệt quệ.

Nguyễn Chính Tuân đã sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh ấy, tuy nhiên, đời sống xã hội khó khăn, loạn lạc không làm giảm ý chí hiếu học của người con làng Dông. Khoa thi Hội năm 1514, dưới triều vua Lê Tương Dực, niên hiệu Hồng Thuận lục niên - 1515, Nguyễn Chính Tuân đã đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (tức Hoàng giáp). Tại Văn Miếu Quốc Tử Giám, ông được khắc tên vào Bia tiến sĩ số 12, khoa thi Giáp Tuất (1514) do Trạng nguyên Vũ Duệ (người làng Trình Xá, xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao) soạn thảo.

Theo các cụ cao niên, Nhà thờ họ Nguyễn Ba Ngành được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XIX, năm 1881, sau đó bị hư hỏng kiến trúc, được dòng họ phục hồi vào năm 1997 như hiện nay, kiến trúc kiểu chữ Nhị (=), gồm 2 tòa: Tiền tế (5 gian) và Hậu cung (3 gian), kết cấu vì kèo quá giang gối tường. Tòa Hậu cung bài trí ban thờ, chính giữa thờ vị thủy tổ dòng họ Nguyễn Ba Ngành Nguyễn Tiến Đức và con trưởng Nguyễn Duy Tín, bên trái thờ cụ Nguyễn Chính Tuân và bên phải thờ cụ Nguyễn Duy Thường.

PHẦN IV

MỘT SỐ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU

1. LỄ HỘI TRÒ TRÁM - XÃ TỨ XÃ

(Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia năm 2016)

Lễ hội Trò Trám được bảo tồn, thực hành tại xóm Trám, xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Tương truyền, người lập ra xóm Trám là ông Ngô Quang Điện và con gái là Ngô Thị Thanh, người có công lao to lớn trong việc dạy dân làm ăn và ổn định cuộc sống. Vì thương dân nghèo khó nên hàng năm, bà Thanh cùng cha mình tổ chức hội Trò mua vui trong ngày đầu xuân, khuyến khích người dân lao động và thu hút thêm người về xóm. Đây cũng chính là nguồn gốc của Lễ hội Trò Trám. Sau này, người dân xóm Trám mở hội hàng năm vào dịp đầu xuân không chỉ tưởng nhớ công lao của người đã có công khai dân, lập ấp, mà còn tiếp nối hội Trò vốn đã được sáng tạo, thực hành trong quá khứ của người dân xóm Trám.

Lễ hội Trò Trám từ xa xưa được định kỳ tổ chức vào 2 ngày, ngày 11 và 12 tháng Giêng, nổi tiếng ở phủ Lâm Thao xưa, trong và





ngoài tỉnh Phú Thọ hiện nay với câu ca truyền lại: “Bà ăm cháu, mẹ bỗng con. Không xem Trò Trám cũng buồn cả năm”.

Ngày 11 tháng Giêng: Vào giữa giờ Tuất (khoảng 8 giờ tối), có nghi lễ tế nữ thần bản thổ, cầu khẩn cho mùa màng tươi tốt, mưa thuận gió hòa, con người khỏe mạnh, sinh lực dồi dào, làng xóm đông vui, sầm uất, gia đình hạnh phúc, con đàn cháu đống và xin phép mở hội. Sau nghi lễ cáo tế, các cụ cao niên cùng nhau ngồi túc trực trước miếu Trám đến đêm mà phụng sự, hương khói thần linh cho chu đáo.

Vào giờ Tý (12 giờ đêm), tại miếu Trám có lễ mật, gọi là lễ “Linh tình tình phộc”, là một dạng của lễ cầu sinh thực khí, nghi lễ linh thiêng nhất trong năm của người dân xóm Trám để cầu mong sự sinh sôi nảy nở cho con người và vạn vật. Lễ mật được tiến hành vào nửa đêm (giờ Tý), là giờ khắc thiêng liêng. Trong miếu chỉ có ông từ và một đôi nam nữ đã được dân làng chọn để thực hiện nghi lễ, nam đóng khố cời trần, nữ vận váy đen, mặc yếm đào bên trong, tóc đuôi gà. Ông từ thắp 3 nén hương xin phép đưa tráp gỗ sơn son đựng vật linh “Nỗ - Nường” cất trên thượng cung xuống để trên ban thờ, chuẩn bị làm lễ mật. Ông từ dẫn đôi nam, nữ đứng

vào hai bên trước ban thờ (tả nam, hữu nữ). Ông từ ngổi trước ban thờ, tay nâng cây đàn tượng trưng (gọi là đàn giăng xay), làm động tác đánh đàn và hát, nội dung mang tính cầu chúc. Dứt lời hát, ông từ gieo quẻ âm dương xin phép, rồi mở hòm gỗ, lấy vật linh Nỗ - Nường ra đưa cho đôi nam nữ, nam cầm Nỗ, nữ cầm Nường. Đôi nam, nữ đứng quay mặt vào nhau trong tư thế người rướn về phía trước, chân trái bước lên phía trước, chân phải đưa ra phía sau, tay giơ Nỗ - Nường chờ đợi. Khi đèn nến trong miếu Trám vụt tắt, bắt đầu nghi thức giao phối thiêng liêng trước bàn thờ. Khi ông từ hô "Linh tinh tình phộc", đến tiếng "phộc" thì đôi nam nữ đưa vật linh Nỗ - Nường chọc nhanh vào nhau cho khớp như một hành vi tượng trưng mang tính giao hợp. Ông từ hô "Linh tinh tình phộc" và đôi nam nữ thực hiện hành vi tính giao như thế 3 lần, trong đêm tối, ông từ nghe đủ 3 tiếng "cách", nếu không bị chệch ra ngoài lần nào thì người ta cho đó là điềm lành, năm ấy cả làng sẽ có mùa màng bội thu, nhà nhà ăn nên làm ra. Sau khi lễ mật hoàn tất, ông từ hô to "Tháo khoán"! Sau tiếng hô tháo khoán, tất cả những người dự lễ, chủ yếu là nam nữ thanh niên tự do đùa nghịch quanh miếu Trám.

Ngày 12 tháng Giêng: Vào giờ Thìn (8h sáng) dân làng tổ chức nghi lễ rước lúa thần, lễ vật quan trọng nhất là cụm lúa thần được cắm vào lộc bình đặt trên kiệu bát cống cùng hương, hoa, quả, trâu, cau. Đi đầu đám rước là đội Trò hóa trang trong các vai diễn "trò", mang dụng cụ trình nghề vừa đi vừa biểu diễn gây cười (người cầm loa gọi loa, dẹp đường đi, người cầm biển, người đi cày đi phía sau con voi, người đi câu, thợ mộc, thợ xẻ, mấy cô kéo sợi, thầy đồ cùng học trò, cô gái "bán xuân"); tiếp theo là trống cái, phường bát âm với trống, kèn, nhị... đi sát bên kiệu; đội cờ thần; tiếp là các chấp kích vác đồ lễ bộ bằng gỗ sơn son thếp vàng; tiếp là kiệu bát cống rước bát hương đang tỏa khói hương nghi ngút, ngũ quả, trâu cau, cụm lúa thần, bên trên có tán đỏ che tôn nghiêm; sau long kiệu là hàng bò và dân làng đủ mọi lứa tuổi, trẻ con đi theo đám rước, chen chúc nhau, reo vui, cười đùa, tạo nên không khí hỗn nhiên, sáng khoái... thỉnh thoảng lại reo hò và hú: "Hù hù hê! Hù hù hê! ..." náo động khắp xóm trong, ngõ ngoài. Trên đường đi, khi đến các ngã ba, đám rước dừng lại cho đội Trò biểu diễn trò "Tứ dân chi

ngiệp”. Lễ rước lúa thần đi từ điểm Trám vòng quanh làng, qua hồ Trám, trở về miếu Trám.

Trên sân miếu Trám, trò trình nghề “Tứ dân chi nghiệp” đặc sắc của Lễ hội Trò Trám bắt đầu, mô phỏng các nghề của địa phương trong xã hội phong kiến với 4 nghề cơ bản là Sĩ, nông, công, thương, vì vậy còn được gọi là trò “Bách nghệ khôi hài” bởi tính hài hước, độc đáo của trò diễn thể hiện trong lời ca và lối trình diễn hài hước chọc cười. Trong nghệ thuật trình nghề của trò Trám, vai chính hát trước, các vai diễn cùng hát để theo, nhắc lại câu hát. Các vai “trò” ra trình diễn theo trình tự: Người gọi loa; người cầm biểu; người gảy đàn tranh; người đi cày; nhóm các cô thợ cấy; nhóm thợ mộc và thợ xẻ; người đi câu; người đánh lờ; thầy đồ dạy học; người đi bán xuân và nhóm quay tơ, kéo sợi và cung bông. Mỗi vai trình diễn nghề của mình bằng lời ca, đạo cụ động tác tương tự. Trong trò “Tứ dân chi nghiệp” nội dung phần thực xuyên suốt các lớp diễn, được thể hiện mộc mạc và hóm hỉnh với các vai diễn đều nhún nhảy điệu nghệ mang dáng vẻ hài hước của lễ hội phần thực. Buổi chiều, ông từ và ban hành lễ làm lễ tạ đức Bản thổ. Lễ hội kết thúc trong dư âm của tiếng trống, tiếng cười và những nghi lễ tín ngưỡng thiêng liêng.

Lễ hội Trò Trám là lễ hội đặc sắc của người Việt ở vùng Trung du Bắc Bộ, mang đậm giá trị văn hoá cổ truyền và dấu ấn của nền văn minh lúa nước mà những nghi lễ, tập tục, trò diễn ẩn chứa nét văn hóa nguyên thủy trong đời sống tinh thần của cư dân nông nghiệp truyền thống; mang đậm tín ngưỡng phần thực, đặc biệt được thể hiện trong “Lễ mật”, mang một màu sắc linh thiêng với tâm nguyện của con người cầu mong cho sự bình an, sự sinh sôi nảy nở cho con người, cây trồng, vật nuôi và cầu cho mùa màng tươi tốt, bội thu. Xét về mặt tín ngưỡng, trò trình nghề trong Lễ hội Trò Trám đi đôi với lễ cầu sinh thực khí, đó là nghi lễ phần thực cầu đinh và cầu mùa cổ xưa. Lễ hội Trò Trám bao hàm nhiều nghi lễ cổ xưa (lễ mật, hoạt động tính giao Nỗ - Nường, rước lúa thần, cày voi...) và tích hợp cả văn học lẫn âm nhạc với những lời ca ẩn ngữ trong trò diễn “Tứ dân chi nghiệp” đều phiếm chỉ về “Nỗ - Nường”, đồng

thời có nhiều trò diễn cực kỳ phong phú, phóng túng của người đời sau. Tính nghi lễ nghiêm ngặt song hành với tính hài hước và trò diễn dân gian đã khiến Lễ hội Trò Trám trở thành một lễ hội tín ngưỡng phổ biến thực mà ít nơi có được. Ý nghĩa phổ biến thể hiện đậm nét trong lễ nghi và tập tục của Lễ hội Trò Trám, xuất phát từ quan niệm giao hòa âm - dương/đực - cái ảnh hưởng quyết định tới sinh trưởng của cây lúa, mùa màng. Theo nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Toàn Ánh trong một bài khảo đã liệt kê 17 điểm trên Miền Bắc có dòng lễ hội mang hình dáng tính ngưỡng phổ biến thực và khẳng định Lễ hội Trò Trám là một lễ hội đặc sắc nhất.

Các tín ngưỡng phổ biến, tín ngưỡng thành hoàng làng, tín ngưỡng nông nghiệp lúa nước trong Lễ hội Trò Trám đều được duy trì. Lễ rước lúa thần bày tỏ ước nguyện về một mùa màng bội thu, phong đăng hòa cốc, nhân khang vật thịnh, thời tiết thuận hòa. Lễ hội Trò Trám là lễ hội gắn chặt với lịch sử tồn tại, phát triển của cộng đồng, được truyền miệng từ bao đời nay nên hình thức diễn xướng của lễ hội cũng mộc mạc, sơ khai không có màn lớp, không trang trí mỹ thuật, không có sân khấu, không có đạo cụ, nhạc cụ (tất cả đều làm tượng trưng từ những vật dụng nông nghiệp), lối diễn xướng tự nhiên bình dị không hề gò bó trong một nghi thức nào, thậm chí vừa rước trên đường vừa diễn và người diễn có thể tự do bông lơn hài hước giao lưu cùng người dân dự hội. Lễ hội ra đời trong dân gian, gắn với đời sống sinh hoạt tín ngưỡng dân gian nên nghi lễ, tập tục, trò diễn rất rõ ràng, cụ thể, phản ánh chân thực cuộc sống của người dân và hấp dẫn người xem. Những tập tục, những nội dung được phản ánh bằng phương thức lễ thức hóa, nghệ thuật hóa... đã tạo cho lễ hội Trò Trám chức năng tuyên truyền rộng (thường xuyên) và sâu sắc. Tuy chỉ là lễ hội của làng, nhưng âm vang của nó lan tỏa khá rộng, từ phạm vi một vùng đến phạm vi cả nước, thu hút du khách thập phương trong cả nước và cả kiều bào nước ngoài cũng về tham dự.

Lễ hội Trò Trám đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tại Quyết định số 4036/QĐ-BVHTTDL ngày 21 tháng 11 năm 2016.

2. HỘI VẬT ĐUỐI GIẢI LÀNG VĨNH MỘ - XÃ CAO XÁ



Vinh Mộ là vùng đất cổ có tên gọi là kẻ Mạc, đất đai bằng phẳng, phì nhiêu. Theo tài liệu lịch sử “Sơn Vi dư địa trí” thời Bắc thuộc, Vinh Tể thuộc đất quận Phong Châu, có tên là Bình Mạc sách, cư dân thưa thớt vài chục người, xung quanh có trồng nhiều tre xanh bao bọc. Trải qua các triều đại mới đổi thành ấp, hương, làng, xã như ngày nay. Xưa kia, thôn Vinh Tể có 4 xóm (còn gọi là 4 giáp): Nguyễn Xá, Dương Khê, Thanh Hà và Nam Nhạc. Đây cũng là vùng đất văn hiến của tỉnh Phú Thọ, chỉ tính riêng dưới thời Hậu Lê, Vinh Tể đã có 3 tiến sỹ, đó là: Nguyễn Như Thức, đỗ đệ tam giáp đồng tiến sỹ xuất thân khoa Kỷ Mùi, đời vua Lê Hiến Tông (Cảnh Thống) - năm 1499; Nguyễn Tự, đỗ đệ nhị giáp tiến sỹ xuất thân khoa Nhâm Tuất, triều vua Lê Hiến Tông (Cảnh



Thống) - năm 1502 và Nguyễn Văn Oánh, đồ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Ất Sửu, đời vua Lê Uy Mục (Đoan Khánh) - năm 1505.

Đình Vĩnh Mộ thờ thần làng là ông Nguyễn Như Kỳ, sinh thời dưới triều Hùng Vương thứ 18, có công cùng Tản Viên Sơn thánh đánh giặc Thục và cũng là người đã có công chiêu dân, khai khẩn lập ra ấp Thanh Hà. Để tưởng nhớ công lao to lớn của ông, nhân dân đã lập miếu thờ ông bên bãi sông xứ Thanh Hà, trông về hướng núi Tản. Sau này, vào thời Lê Mạc, dân trong vùng dựng ngôi đình thờ ông tại trung tâm thôn Vĩnh Tế.

Hội vật đầu xuân là lễ hội truyền thống để tưởng nhớ những trận chiến đấu của quân sỹ, đồng thời thể hiện tinh thần thượng võ của người dân Vĩnh Tế. Trong nhân dân còn lưu truyền câu ca:

“Đường về đặng ấy còn xa



Đi về Vĩnh Mộ với
ta cho gần

Vĩnh Mộ có tục
hát xuân

Có hội thi vật đầu
tuần tháng Giêng”

Từ ngày mồng 7
tháng Giêng là vào
đám. Tất cả các xóm

của thôn Vĩnh Tế đều tổ chức lễ hội với lễ vật dâng cúng thần bằng thủ lợn, bánh trái, hoa quả... Dân làng rước kiệu về xóm Dương Khê (tương truyền là nơi tập trung quân để đi đánh giặc Thục). Tại đây, tổ chức đấu vật giữa các xóm. Tại xóm Nguyễn Xá tổ chức hội vật “đuổi giải” rất độc đáo. Tập tục này nhằm nhắc lại việc rước đuổi quân giặc ra khỏi làng xóm của mình. Kỳ tiệc lệ này kéo dài đến 11 tháng Giêng thì hết.

Vào ngày rằm tháng hai, cỗ hèm có bánh giầy và cá rán là những thức ăn ưa thích của vị thần làng.

Ngày 28 tháng Tám, là ngày giỗ ông Kỳ, có tiệc mặn, mổ trâu, lợn cúng tế.

Hội vật “đuổi giải” Vĩnh Mộ là một trong những lễ hội truyền thống độc đáo của vùng đất Tổ Phú Thọ, sau hơn 60 năm bị gián đoạn, ngày mồng 7 tháng Giêng Canh Dần - năm 2010, hội vật “đuổi giải” đã được khôi phục và tổ chức tại đình Vĩnh Mộ.

Tổ chức thi đấu vật với tục “đuổi giải” trải qua các bước:

“Vật lệ”: “Vật lệ” nhất thiết phải được tổ chức, dù mưa gió chết cò, nếu không tổ chức làng sẽ “động”. Trong cuộc “vật lệ”, các đô vật địa phương đấu với nhau, và sau cuộc “vật lệ” đó sẽ đến cuộc “vật giải” cho đô thiên hạ đến trở tài thi sức.

Vật giải: Tổ chức đón tiếp các đô tứ xứ về dự. Đô nào muốn vào đấu lấy giải thưởng về, sẽ vào đứng trước giải (thường treo bên bàn chủ tọa, cạnh nhang án ở ngay bãi vật) và đưa tay vượt ngược giải từ dưới lên 3 lần. Làm như thế tức là ngỏ ý xin vào đấu. Các đô vật lần lượt vào vật giải, chung kết, đô vật nào thắng cuộc sẽ “đổ giải”, tức là được giải. Hai bên bãi, trước nhang án có trải chiếu hoa để các đô ngồi.

Trong lúc vật, các đô cởi trần và chỉ đóng khố cho kín hạ bộ. Cởi trần cốt để đôi bên không thể nắm áo, nắm quần nhau mà

gây lợi thế cho mình được. Khố các đồ vật phần nhiều bằng lụa, nhiều màu. Trước khi vào vật, bao giờ hai đồ vật cũng lễ vọng vào trong đình. Cuộc thi bắt đầu, các đồ vật lên lễ đài. Sau một hồi khua chân múa tay để rình miếng nhau, họ mới xông vào ôm lấy nhau. Họ lừa nhau, dùng những miếng vật để vật ngửa địch thủ. Với miếng võ nằm bò, có đồ vật nằm lì mặc cho địch thủ đẩy mình, rồi bất thần nhóm đứng dậy để phản công.

Giải thưởng không lớn, không xa phí, chỉ mang ý nghĩa tượng trưng, danh dự như: Vài vuông lụa điều hay lụa bạch, hoặc nhiều, nái, có khi chỉ là ba bao chè, phong thuốc Lào...

Người “đổ giải” phải ôm giải chạy một vòng xung quanh sân đình, sau đó chạy ra khỏi cổng làng và cấm không được ngoái cổ nhìn lại phía sau, dân làng reo hò đuổi theo phía sau. Nếu người được giải chưa ra khỏi cổng làng mà vô ý nhìn lại sẽ bị cả làng xúm vào đánh. (Theo các cụ cao niên, đã có không ít đồ vật ở Vĩnh Mộ phải chịu đòn cho vợ chữa chạy thuốc men hàng tháng). Đến khi người “đổ giải” nhảy xuống ao đình ở phía trước thì kết thúc “đuổi giải”.

Các lễ hội được tổ chức trong năm của đình Vĩnh Mộ nói riêng, thôn Vĩnh Tế nói chung nhằm tưởng nhớ đến vị thần được thờ tại đình Vĩnh Mộ, đã có công lập làng lập xóm và bảo vệ quê hương, đất nước, thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của người dân Vĩnh Tế. Lễ hội với các trò chơi dân gian, đặc biệt là hội vật “đuổi giải” độc đáo, mang đậm nét tinh thần thượng võ của cư dân vùng đất Tổ.

3. LỄ HỘI RƯỚC VUA VỀ LÀNG VUI XUÂN - XÃ TIỀN KIÊN



Tiên Kiên là vùng đất cổ được xác định là một trong những địa danh phát tích của dân tộc Việt Nam. Tại đây, các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều hiện vật chất liệu đá thuộc nền văn hóa Sơn Vi, thời đại hậu kỳ đồ đá cũ, cách ngày nay khoảng 3 đến 1 vạn năm trước công nguyên. Tương truyền rằng vùng đất Tiên Kiên là nơi Vua Hùng thường đi du ngoạn và luyện tập binh sĩ, nơi đây có nhiều gò, đồi san sát, thuận lợi cho việc cất giấu lương thực, vũ khí, luyện quân. Nhân dân đã lập đền thờ các vua Hùng và sau này xây dựng đình làng thờ vọng các Vua Hùng và thần núi, gọi là đình Cả.

Ngọc phả “Hùng Vương thập bát đại cổ truyền” còn ghi rõ: Di tích Đình Khuôn (tức Chấn Cổ Hữu Quang) là “tiền đồn của



ngõ phía Tây Nam” của kinh thành Phong Châu thời dựng nước, thờ các vua Hùng thứ 16, 17, 18, đó là Hùng Tào Vương, Hùng Nghi Vương và Hùng Duệ Vương - những người đã có công xây dựng và giữ nước, đã được các triều vua Lê - Nguyễn phong sắc cho làng thờ phụng cùng với nghi lễ thờ tự, tế lễ tại đình. Ngoài đình Cả thờ các vua Hùng, ở Tiên Kiên còn in đậm các dấu tích gắn với các truyền thuyết về thời kỳ Hùng Vương dựng nước, như: Miếu Giã là nơi vua Hùng và quân sĩ đi tập trận trở về nghỉ ngơi, nơi vua ban các chiếu chỉ mới về quân sự; Ao Giang dùng để tắm ngựa và quân sĩ rửa chân tay; chùa Quan Mạc là thao trường luyện tập của quân lính; giếng Vua In là nơi vua tôi cùng uống chung dòng nước mát, được nhân dân địa phương lưu truyền, gìn giữ sạch sẽ từ nghìn đời nay.

Trên mảnh đất Tiên Kiên còn lưu giữ nhiều dấu ấn văn hóa vật chất và tinh thần gắn liền với di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương. Đó là hệ

thống di tích đình, đền, nghề, miếu thờ Hùng Vương, trong đó, đình Cả - không gian văn hóa bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc: Lễ hội rước vua về làng vui xuân.

Theo truyền thống hàng năm, cứ đến dịp mồng 10 tháng Chạp, các cụ lại cùng dân làng để bàn việc tổ chức lễ năm sau, tức là sang năm mới tổ chức đại tiệc hay sái lễ. Nếu là sái lễ thì chỉ cầu tại đình chứ không rước, còn nếu là đại tiệc thì tổ chức rước, chiều mừng 8 tháng Giêng chồng kiệu, đến sáng mừng 9 tháng Giêng ra bãi rước đón vua về làng ăn Tết, vui xuân với dân làng.

Các lễ vật để ra đình Cả làm lễ bao gồm thủ lợn, bánh chưng, bánh giầy do dân làng Tam giáp xưa, nay là các xóm: Xóm Phường, xóm Lum, xóm Cầu Nhân, xóm Đuồng, xóm Ma Gổ chuẩn bị. Thủ lợn phải cạo hết lông, rửa sạch ráy tai, mắt không được mở; bánh chưng được làm từ gạo nếp cái hoa vàng, lá dong để gói bánh là lá dong xanh, dây buộc bánh phải là dây giang chẻ bỏ cật và bỏ lòng, bánh chưng của các xóm dâng ra đình là bánh chưng vuông, giữa bánh có nhân đỗ và thịt lợn. Mỗi xóm dâng ra đình 3 chiếc bánh giầy to, nặng khoảng 3 kg, được giã từ loại gạo nếp ngon, dẻo, khi thổi xôi và giã bánh giầy phải là nam thanh, nữ tú, giã 3 quả, giã bằng chày tre non, khi bắt bánh phải chọn người trong sạch. Ngoài thủ lợn, bánh chưng, bánh giầy, các xóm chuẩn bị lễ còn có rượu, muối, hoa quả, bánh kẹo. Từ sáng mồng 8 tháng Giêng mở cửa đình đón tiếp nhân dân đến thắp hương thờ cúng các vua Hùng, buổi chiều cùng ngày các cụ làm lễ chồng kiệu, vệ sinh, quét dọn, lau chùi đồ thờ tự và bài trí xung quanh. Tất cả các lễ vật được chuẩn bị phải được đem ra đình trước giờ Dậu (7 giờ sáng) ngày mồng 9 để các quan viên tế lễ.

Theo truyền thống, trước kia, cứ 3 năm một lần, vào kỳ tiệc

lệ, sáng ngày mồng 9, dân làng tổ chức rước kiệu từ đình Cả vào bãi rước (cách đình khoảng 600m về hướng Đông) để làm lễ. Đám rước long trọng, linh đình đầy ắp màu sắc và âm thanh của cờ quạt, chiêng, trống, bát âm, bát bửu cùng dân làng và du khách về dự hội di chuyển đến bãi rước. Lễ vật dâng cúng thần linh là ván xôi trên có thủ lợn phủ mỡ chài, kế bên là mâm ngũ quả. Xung quanh bãi rước cắm cờ thần và trải chiếu ở giữa bãi. Khi đoàn rước kiệu đến bãi rước, hạ kiệu và lễ vật xuống, chủ tế đại diện cho dân làng làm lễ khẩn cầu các vua Hùng phụ hộ cho dân làng nhân khang vật thịnh, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu và thỉnh mời vua về thăm làng xóm, vui xuân với dân làng đầu năm mới. Cầu khẩn xong, tổ chức lễ rước Vua về đình, các quan viên làm lễ tế tại đình Cả. Sau khi tế lễ xong, các Giáp để lại một miếng thịt thủ, một bánh giày, một bánh chưng, phần còn lại đem về nhà ông trưởng giáp để cùng thụ lộc.

Trong dịp diễn ra lễ hội còn có nhiều hoạt động văn hóa, thể dục thể thao sôi nổi như cờ tướng, chơi gà, bóng chuyền, đẩy gậy, kéo co... thu hút đông đảo dân làng, cả con em quê hương đang công tác ở mọi miền đất nước và du khách thập phương cùng về tham gia.

Lễ hội dân gian Đình Cả được tổ chức theo phong tục cổ truyền của nhân dân địa phương, gắn với tín ngưỡng thờ cúng các vua Hùng. Đó chính là nét đẹp văn hóa tâm linh hướng về nguồn cội của dân tộc Việt Nam. Sau nhiều năm gián đoạn, ngày nay lễ hội được khôi phục nhằm giáo dục về lịch sử cội nguồn, những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ ngày nay, thông qua đó cũng góp phần quảng bá sâu rộng hơn các tín ngưỡng thời Hùng Vương trong nước và cả quốc tế.

4. LỄ HỘI RƯỚC CHÚA GÁI - THỊ TRẤN HÙNG SƠN

Phú Thọ, vùng đất cội nguồn dân tộc Việt Nam trong dân gian vẫn g lưu truyền câu ca:

“Vui nhất là hội chùa Thầy

Vui thì vui thật không tày hội He”

Hội làng He chính là Lễ hội rước Chúa Gái của hai làng Vi, Trẹo (thị trấn Hùng Sơn ngày nay), một trong những lễ hội dân gian đặc sắc vùng đất Tổ, thắm đẫm huyền thoại thời kỳ Hùng Vương dựng nước.

Chuyện xưa kể rằng: Vua Hùng thứ 18 sinh được hai người con gái đặt tên là Tiên Dung và Ngọc Hoa. Cả hai công chúa ngày càng lớn khôn, xinh đẹp thì vua cha đến tuổi ngày càng già yếu. Công chúa cả tên là Tiên Dung đã lấy chồng là chàng trai nghèo kiếm cá ven sông nhưng có hiếu đó là Chử Đồng Tử. Chỉ còn công chúa Ngọc Hoa đã đến tuổi trăng tròn, xinh đẹp, nhà Vua muốn chọn rể cho con gái nên lập lầu kén rể ở gò Tiên Cát (phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì ngày nay). Khắp nơi được tin loan báo, trai tài tìm đến đua tranh. Sơn Tinh tên thật là Nguyễn Tuấn - Thần Núi Tản Viên đến xin cầu hôn. Cùng lúc ấy có một người từ trong làn nước của ngã ba sông Bạch Hạc bước lên tự xưng là Thủy Tinh - Thần Sông cũng xin được cầu hôn. Nhìn một lượt diện mạo cả hai chàng, Vua nói:

Hai người, một là thần núi, một là thần sông hẳn đều cao cường tài nghệ, vậy thử thi tài xem sao.

Thủy Tinh vốn tính nóng nảy, ra oai phóng vùi hút nước sông, phì ra hai lỗ mũi thành mây đen cuộn cuộn, sấm chớp, mưa gió mù trời, cây cối tan hoang đổ gãy, mọi người nhốn nháo lo sợ.

Sơn Tinh mỉm cười, cầm gậy chỉ đầu “tử” vào đám mây, lập tức mây đen tan biến, sấm sét calm lặng, hết gió bão, bầu trời trở lại như cũ; chỉ đầu “sinh” xuống mặt đất, cây cối đổ gãy lại đứng thẳng như xưa.

Cuộc thi không phân thắng bại, hai chàng trai diện mạo ngang nhau, tài năng văn võ không ai hơn ai, nhà Vua không biết chọn ai, con gái chỉ có thể lấy một chồng. Vua bèn nghĩ ra cách thách cưới bằng lễ vật rất khó kiếm tìm, ngày mai ai mang lễ vật đến trước gồm voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, 100 cặp bánh chưng, 100 cặp bánh giầy thì sẽ được đón Ngọc Hoa về làm vợ.

Sơn Tinh giờ sách ước ra xin, chỉ một lát sau đã có đủ mọi lễ vật. Chàng cùng người nhà mang đến lầu Tiên Cát. Sớm hôm sau, lễ vật được tập kết tại làng Phù Đức để rước vào núi Hùng tế lễ, dâng lên Vua Cha. Vì đến quá sớm, cổng thành chưa mở nên Sơn Tinh đã lấy lá thối giả tiếng gà gáy. Lính gác nhầm trời đã sáng mở cổng thành, Sơn Tinh dâng lễ vật đón được Ngọc Hoa về làm vợ.

Lễ đón dâu đưa công chúa Ngọc Hoa về núi Ba Vì theo đường bộ hướng từ Đông sang Tây, khi đi đến làng He xưa kia (làng Vi và làng Trẹo thuộc khu 3 và khu 7 thị trấn Hùng Sơn ngày nay), tới ngã ba Cây Hương cạnh bến đò cầu Cáp thì Ngọc Hoa đòi xuống kiệu không đi nữa ngồi trên tảng đá hướng nhìn về núi Nghĩa Lĩnh vì thương nhớ cha, mẹ. Dân làng phải làm lễ tế Thành hoàng làng tại đây, tế lễ xong, dân làng làm các trò diễn: Lấy tiếng hú, săn lợn chạy địch, tế sóc, trình voi ngựa, chạy tùng dí và trò bách nghệ khôi hài... để làm vui lòng công chúa. Nhờ vậy, Ngọc Hoa đã ưng thuận lên kiệu đi tiếp về nhà chồng. Kiệu được tiếp tục rước tới cầu Tây (cầu Cáp), công chúa xuống máng xuôi theo dòng nước chảy ra sông Hồng. Dân làng đứng

trên bờ lưu luyến tiễn công chúa Ngọc Hoa về với quê chồng, nơi núi Tản sông Đà.

Ngày nay, trong ký ức của người dân hai làng Vi và làng Trẹo vẫn giữ được câu chuyện ngày xưa “Tản Viên đón vợ” hay “Rước Chúa Gái”. Lễ hội làng He (rước Chúa Gái) được nhân dân giải thích và các nhà nghiên cứu thừa nhận tích truyện đó là sự diễn lại cảnh đưa công chúa Ngọc Hoa về nhà chồng hay còn gọi là tích “Tản Viên đón vợ”.

Thời phong kiến tự chủ, ngoài những nghi lễ cầu tế hàng năm ở các đền trên núi Nghĩa Lĩnh và trong ngôi đình Cả, dân hai làng Vi - Trẹo còn tổ chức lễ hội rước Chúa Gái và diễn trò theo các tích xưa. Đến ngày 25 tháng Chạp hàng năm, cả hai thôn đều cử ông từ lên làm lễ mở cửa đền nhưng thôn nào có đền thôn ấy cúng và bàn nhau mở hội rước Chúa Gái. Nếu nhất trí là năm đó rước Chúa Gái thì cả hai thôn về dự kiến chọn Chúa Gái, sau đó tiến hành đề cử Chúa Gái. Tiêu chuẩn chọn chúa gái được thống nhất: Con gái xinh đẹp, chưa có chồng, tuổi từ 11 đến 14 tuổi, gia đình phong quang, không có tang chế, con nhà có chức sắc. Ngày 28 tháng Chạp, cả hai thôn lại làm lễ tại đình Cả và chọn Chúa Gái. Nếu cả hai thôn đều chọn được cô gái đủ tiêu chuẩn mà không bàn bạc quyết định được vì hai cô tương đương nhau thì phải xin “âm dương”. Xin thánh “ứng” vào cô nào thì cô gái đó được chọn làm Chúa Gái năm đó. Sau khi chọn cử Chúa Gái xong, cả hai làng phải tập trung trang trí nhà Chúa Gái, có y môn, màn trần và cử từ 10 đến 15 nữ tỳ chưa có chồng, ăn mặc gọn ghẽ, xinh đẹp, nhà không có tang phục vụ Chúa Gái. Chúa Gái từ chiều 30 tháng Chạp đến mùng 7 tháng Giêng không được đi ra ngoài, mọi nhu cầu ăn uống sinh hoạt đều do các nữ tỳ hầu hạ. Gia đình có con được chọn làm Chúa Gái phải chịu mọi lệ tục trong làng như xếp dọn nhà cửa thành nơi thờ cúng, sắm đồ mỹ trang may sắm quần áo đẹp cho con mặc, ...



(Kiệu Chúa Gái và các Nữ tỳ)

Từ ngày 28 đến ngày 30 tháng Chạp, ở hai đình của hai làng bắt đầu tế lễ để đón ngày Tết đến. Nhà Chúa Gái được treo đèn, kết hoa, lập bàn thờ, chăng vải đỏ tựa nhà lầu công chúa Ngọc Hoa - Tiên Dung thờ ở đền Giếng trong Khu di tích lịch sử Đền Hùng.

Ngày mùng 8 tháng Giêng, Chúa Gái được cả hai thôn vồng sang đình Hậu Lộc để bà Chúa thay quần áo rồi lên một cỗ kiệu gọi là kiệu Chúa Gái. Kiệu được rước từ đình Hậu Lộc về đình Cả để dân làng làm lễ tạ. Kiệu Chúa Gái có hai đòn cái, bốn đòn con, tám người khiêng, giữa là một sập vuông, trên có một chiếc ghế bành trông tựa ngai của vua chúa ngày xưa. Xung quanh kiệu kết hoa và chăng vải đỏ, phía trên có một cái quạt to che cho khỏi mưa nắng. Chúa Gái ngồi trên kiệu chỉ hờ phía trước. Chúa Gái mặc mớ 5 mớ 7, váy dài, đầu chít khăn đỏ có chân chỉ hạt bột, chân đi hài mũi cong. Tám người rước là tám cô gái mặc áo nỉ có nẹp xanh đỏ, chân cuốn xà cạp, đầu chít khăn vàng. Đi

bên kiệu Chúa Gái có hai người che quạt cũng là cô gái trẻ, đẹp, trang phục giống như người rước kiệu.

Chúa Gái đi kiệu có cờ rong trống mở, cùng rước với kiệu Chúa Gái có kiệu Văn rước sắc, kiệu Bát Cống rước cỗ vật. Nghi trượng là nghi thức rước rất trọng thể, có đủ các loại cờ, trống chiêng, tàn, tán, lọng, bát bửu, voi, ngựa gỗ, kiếm, gươm, giáo, mác. Trong đám rước có phường đồng văn, phường bát âm, các cô lão, viên chức và dân làng. Đi ngay sau kiệu Chúa Gái là Chúa Trai (đi bộ sau kiệu). Phường đồng văn hoá trang làm nhiều trò như: Câu cá, múa, diễn trình nghề, bách nghệ khôi hài... Khi kiệu Chúa Gái gần đến đình Cả, cách khoảng 500 mét, thấy có hai voi, bốn ngựa chờ đón đoàn rước cùng đi. Voi, ngựa to bằng thật, làm bằng giấy phát, xương bằng tre nứa. Mỗi thôn làm một voi, hai ngựa. voi có đủ bành; ngựa một con đỏ, một con trắng, có đủ yên cương trong như voi ngựa thật.

Khi rước kiệu Chúa Gái, voi và ngựa làng Trẹo đi trước, voi và ngựa làng Vi đi sau kiệu, tới đình Cả, kiệu lễ vật và kiệu lễ sắc văn để lên trên sân đình, phía cuối bãi là kiệu Chúa Gái, sau cùng là hai voi, bốn ngựa. Số người xem rước không chỉ là dân làng Vi, Trẹo mà còn là khách thập phương tới dự hội.

Lễ tạ Chúa Gái được dân làng làm xong ở đình Cả, kiệu Chúa Gái được rước tiếp qua làng Triệu Phú theo đường sông Hồng về núi Tản, tới cây hương đầu làng, vì thương cha, nhớ mẹ, Ngọc Hoa công chúa không đi nữa, dân làng làm nhiều trò như hát, múa, diễn bách nghệ khôi hài... Mục đích của các trò chơi nhằm làm cho Ngọc Hoa vui mà lên kiệu đi tiếp. Sau khi xem trò diễn xong, công chúa không còn buồn bã nữa vui lòng lên kiệu, kiệu tiếp tục được rước đi tới cầu Tây (gọi là cầu Cáp). Chúa Gái được đưa xuống mảng qua ngòi, người lái đò từ từ chèo mảng xuôi dòng ra bến sông Hồng, dân làng đứng hai bên bờ tiến đưa tới



(Đoàn rước Chúa gái)

khi bóng hình Chúa Gái khuất hẳn sau lũy tre xanh.

Đến đây, trò diễn kết thúc, ông thân sinh ra người được chọn làm Chúa Gái chạy tới công con về nhà. Qua khỏi

cổng, ông công con gái chui qua chuồng trâu để vào nhà ngụ ý để cho Chúa khỏi bắt mất hồn vía người con gái của mình.

*** Những trò diễn dân gian trong Lễ hội rước Chúa Gái:**

- Lấy tiếng hú: Đêm 30 tháng Chạp, cả hai thôn phải im lặng không được có tiếng động, không được để chó cắn, mèo kêu. Khoảng giờ Hợi (21h - 22 giờ đêm), mỗi làng cử một ông trưởng phe và một số trai làng kể cả các em từ 10 tuổi trở lên. Ông trưởng phe cầm một con gà giò (gà trống khoảng 1 kg) cùng một số thanh niên trai tráng khỏe mạnh trong làng đi im lặng quanh làng rồi ra đến cây hương (nơi có truyền thuyết Ngọc Hoa ngồi ăn trâu trên đường về nhà chồng). Ông trưởng phe cầm con gà trống vái vào cây hương 3 vái, sau đó cả đoàn cùng nhau "hú", chiêng trống ầm ĩ, gọi là "lấy tiếng hú". Sau đó cả đoàn kéo nhau mang gà về đình làm cỗ tế nửa đêm.

- Tục săn lợn, chạy địch: Sớm ngày mùng 4 tháng Giêng có tục săn lợn, chạy địch. Từ ngày mùng 3, các chàng trai khỏe mạnh của hai làng (dưới 30 tuổi) đều ngủ ở nhà ông trưởng đẳng cai việc làng năm đó. Đến tờ mờ sáng ngày mùng 4, mọi người cứ lẳng lặng chạy ra cánh đồng, cờ hội của hai làng đã được cắm sẵn, ai

phát hiện ra cờ làng mình trước thì chạy nhanh tới nhổ lấy cờ rồi người nọ cướp trên tay người kia chạy về làng. Ai về trước sẽ được thưởng, năm đó sẽ gặp may mắn, gặp phúc lớn.

Cướp cờ xong thì săn lợn. Hai con lợn to khoẻ của hai làng được lừa vào bãi hội, mọi người lao vào dồn bắt, trong tiếng chiêng trống rộn vang, cho tới khi lợn mệt lử không chạy được nữa nằm thở, họ mới sông vào bắt đem mổ, tiết sống và lòng đặt lên bàn lấy mật khẩu lấy hèm trước. Lòng lợn luộc chín tới đặt lên ván cùng với lợn sống (để cả con) làm lễ vật cúng tế. Cúng xong, mang tiết và lòng đổ xuống cánh đồng trước cửa đình.

- Tế sóc và trình voi, ngựa: Tối ngày mừng 6 tháng Giêng, ở đình từng thôn tế trình voi, ngựa. Mỗi thôn phải làm 2 voi, 4 ngựa bằng mía đan, phết giấy bên ngoài, voi, ngựa phải thắp hương đến khi hoá.

- Tục từng dí: Sau khi rước voi, ngựa xuống đình tế xong thì tổ chức chạy từng dí. Mỗi thôn cử 3 người gánh 3 gánh lúa, đòn gánh là chiếc gậy sơn son, mỗi bên buộc một bó lúa nhỏ chỉ độ một tay lúa (cả bông), trên bó lúa có buộc một nhúm xôi. Hai thôn có 6 gánh lúa do 6 thanh niên khoẻ mạnh mặc quần áo rước vào chạy 3 lượt vòng quanh sân đình. Khi chạy, chiêng trống reo hò nhộn nhịp, sau khi chạy xong vào vái 3 vái, sau đó ông chủ tế cầm sẵn bó lúa lao về phía sau, nhân dân xô vào cướp những bông lúa về lấy may. Tục này có ý nghĩa cầu cho mùa màng được mùa bội thu.

- Trò Bách nghệ khôi hài: Đội diễn trò diễn Bách nghệ khôi hài mặc quần áo nhiều màu đi trước kiệu. Dẫn đầu đoàn trò là một người vác cây mía to, trên ngọn buộc một bó lúa gọi là "lúa thờ", tiếp sau là những người hóa trang theo các nghề nghiệp riêng của mình, người đi đầu vác cái sào dài, đầu sào buộc lủng lẳng một cái bánh chưng, người đi sau vác một ngọn giáo bằng cả



(Diễn trò Bách nghệ khôi hài)

một đoạn tre to vót nhọn.

Người làm ruộng vác theo nông cụ như cày, bừa, cuốc, cào làm bằng gỗ hoặc tre to quá cỡ bình thường và có cả những người đeo mặt nạ, đầu

trâu, đầu bò đi theo... Hòa trong tiếng trống, tiếng chiêng, đoàn người diễn trò vừa đi vừa lắc lư, ngẫu nhiên múa hát diễn trò làm vui khiến Chúa Gái ngồi trên kiệu vui cười nhiều là năm đó dân làng gặp nhiều điều tốt lành. Chúa Gái được rước đến cầu Cáp thì xuống mảng. Ông thân sinh ra Chúa Gái đi tới cổng ngay con gái chạy về nhà, chui qua chuồng trâu vào nhà để đánh tan vía Học Hoa nhập vào cô gái khi sắp vai. Trò diễn kết thúc.

Có thể nói, lễ hội làng He là lễ hội rước Chúa Gái hay còn gọi là việc diễn lại tích xưa: Tản Viên đón vợ. Thông qua lễ hội rước Chúa Gái nội dung phong tục hôn nhân thời Các Vua Hùng dựng nước được phản ánh một cách khá đầy đủ và rõ nét. Đó là chế độ hôn nhân một vợ một chồng, đó là tục thách cưới, là lễ đón rước dâu và thi tài chọn rể.... Lễ hội làng He đã kết thúc, nhưng âm hưởng tinh thần của nó vẫn còn mãi, phản ánh nét văn hoá tiêu biểu trong đời sống của con người qua các thời đại. Nét văn hoá tiêu biểu ấy sẽ góp phần đưa chúng ta - những con người đương đại tìm lại được bản sắc dân tộc của chính mình./.

5. TỤC HÁT XOAN NƯỚC NGHĨA LÀNG CAO MẠI VÀ PHƯỜNG XOAN AN THÁI - THỊ TRẤN LÂM THAO

Ngày 8/12/2017, “Hát Xoan Phú Thọ - Việt Nam” đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Chủ thể nắm giữ di sản văn hóa phi vật thể Hát Xoan là 4 phường Xoan ở thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, gồm: Phường An Thái, xã Phụng Lâu; phường Phù Đức, phường Kim Đái (hay Kim Đối) và phường Thét - xã Kim Đức. Ngoài 4 phường Xoan trên, Hát Xoan còn lan tỏa tới 7 phường, xã thuộc thành phố Việt Trì; 23 xã, thị trấn thuộc 10 huyện (Cẩm Khê, Đoan Hùng, Lâm Thao, Phù Ninh, Tam Nông, Tân Sơn, Thanh Ba, Thanh Sơn, Thanh Thủy, và thị xã Phú Thọ), tỉnh Phú Thọ; 2 xã (Kim Xá, Đức Bác) nằm bên bờ sông Lô thuộc 2 huyện Vĩnh Tường và Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong đó, làng Cao Mại (thị trấn Lâm Thao) là một trong những làng xã có tục Hát Xoan nước nghĩa với phường Xoan An Thái (xã Phụng Lâu, thành phố Việt Trì) mà dân hai làng vẫn lưu truyền câu ca:

*Dân anh mở tiệc thờ thần
An Thái - Cao Mại hai dân thọ trường
Mỗi năm là một lần sang
Giao lưu thọ trường kết nghĩa dài lâu”.*

Hát nước nghĩa là hình thức hát giao kết giữa họ Xoan với làng kết nghĩa anh em. Hát nước nghĩa phản ánh nét đặc trưng

riêng có trong Hát Xoan với nội dung hát thờ thần. Thực chất của hình thức hát nước nghĩa là việc giao lưu hát Xoan của các phường Xoan gốc với các làng có liên quan trong tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương với nội dung khấn nguyện, giao kết, cầu chúc của cư dân các làng làm nông nghiệp.

Lần ngược dòng lịch sử theo thần tích làng Cao Mại, Hùng Vương thứ 17 phong cho phò mã Lý Văn Lang cùng vợ là công chúa Nguyệt Cư hưởng thang mộc ấp ở Cao Mại (nơi quê mẹ Lý Văn Lang). Vợ chồng Nguyệt Cư công chúa cùng 12 người con đều là những người tài đức văn võ song toàn, đức độ khoan dung, thương dân, kính vua, giúp Vua Hùng dẹp loạn, đánh giặc giữ nước, hướng dẫn, giáo hóa dân làng làm ăn, mở mang nền văn hiến xây dựng quê hương ngày một trù phú. Để tưởng nhớ công đức gia đình công chúa Nguyệt Cư, dân làng lập các đền và đình để thờ công chúa, phò mã và 12 người con.

Tương truyền, khi sinh ra được ba ngày, công chúa Nguyệt Cư khóc suốt ngày đêm, sau nhờ nghe tiếng hát Xoan của con gái làng An Thái gần cung mà khỏi khóc. Từ đó có tục Hát Xoan vào ngày mừng 6 tháng Giêng. Lại cũng có chuyện kể rằng: Sau này, lúc sắp sinh nở, công chúa vẫn theo chồng đi dẹp giặc. Thắng trận trở về, qua làng An Thái nghỉ chân, dân làng hát Xoan đón chào công chúa. Mải mê nghe hát, công chúa quên cả đau đẻ, đến khi chuyển dạ mới truyền kiệu về trang ấp Cao Mại, những người hầu phải chạy thật nhanh để nàng kịp sinh hạ hoàng tử. Từ đó có tục kết nước nghĩa giữa hai làng An Thái - Cao Mại. Hiện nay, làng Cao Mại có tục chạy kiệu Vua Bà và tổ chức Hát Xoan nước nghĩa trong những ngày lễ hội để tái hiện truyền thuyết lịch sử này.

Lễ hội làng Cao Mại được tổ chức từ ngày mừng 3 đến ngày mừng 7 tháng Giêng. Trong đó, ngày mừng 3 là ngày sinh của

Đức vua bà Nguyệt Cư công chúa và cũng là ngày các con cùng với dân làng dâng lễ mẹ cha nhân dịp đầu xuân mới. Do đó, ngày mùng 3 Tết, chủ tế cùng đại diện quan viên, chức sắc và nhân dân trong làng tổ chức rước đồ lễ hay còn gọi là nghi lễ rước bánh ngũ sắc và mâm ngũ quả từ nhà ông chủ tế ra đền Nhà Bà làm lễ tế. Sáng ngày mùng 4 Tết, dân làng tổ chức rước kiệu Đức vua bà Nguyệt Cư công chúa cùng chồng là phò mã Lý Văn Lang vào đình Đông Chấn là đình thờ người con trai cả để thăm các con. Nghi lễ rước kiệu được thực hiện theo thứ tự: Từ đền Nhà Bà, kiệu ông đi trước, ra đến đường thì kiệu ông lùi lại nhường cho kiệu bà đi trước vì bà là con gái vua Hùng. Vào đến đình người con trai cả, kiệu 2 ông bà được đặt ngự song song chính giữa, chủ tế cùng quan viên chức sắc của làng sẽ thực hiện nghi thức tế lễ.



Nghi thức tế lễ được nhân dân tổ chức trang nghiêm

Chiều ngày mùng 5 Tết, nhân dân trong làng sẽ tập trung tại nhà ông chủ tế để chuẩn bị đồ tế lễ cung tiến vợ chồng công chúa và người con trai cả. Đồ tế lễ bao gồm xôi ngũ sắc, trâu

cau, hoa quả, rượu... Đồng thời chuẩn bị bàn ghế, chỗ nghỉ cho phường Xoan An Thái sẽ sang hát vào tối mừng 6 Tết.

Sáng ngày mừng 6 Tết, dân làng rước đồ tế lễ từ nhà ông chủ tế ra đình Đông Chấn để tế lễ. Theo quan niệm của dân làng, đây là ngày sinh của người con trai cả Lý Trảng và cũng là ngày các con của công chúa và phò mã dâng lễ mẹ cha. Chiều mừng 6, chủ tế cùng quan viên, chức sắc và trai làng Cao Mại ra đầu làng đón phường Xoan An Thái. Phường Xoan An Thái chuẩn bị mâm lễ vật rồi buổi tối cùng với dân làng Cao Mại ra đình Đông Chấn làm lễ và bắt đầu cuộc hát của trai làng Cao Mại và đào Xoan An Thái.



*Chủ tế cùng quan viên chức sắc và trai làng Cao Mại
đón phường Xoan An Thái ở đầu làng*

Sáng hôm sau, tức mừng 7 Tết, chủ tế và quan viên chức sắc cùng với dân làng rước kiệu công chúa và phò mã từ đình Đông Chấn về đền Nhà Bà và làm lễ yên vị. Đoàn rước có đủ chiêng, trống, mâm ngũ quả, trên đường rước, 4 đào Xoan của phường Xoan An Thái cùng chạy hát song song với kiệu Bà (theo tích công chúa đau đẻ phải khiêng kiệu chạy vội). Khi kiệu về yên vị tại đền Nhà Bà, ông chủ tế làm lễ tạ, kết thúc lễ hội. Các quan



*Các tiết mục hát
xoan được diễn ra
ngay trong Đình*

viên, chức sắc và dân làng Cao Mại chia tay phường Xoan An Thái và có một khoản tiền thưởng cho phường Xoan ra về, hẹn gặp lại vào mùa lễ hội năm sau.

Hàng ngàn năm trôi qua, Hát Xoan



*Phường Xoan An Thái chia tay dân làng
Cao Mại ra về*

đã được bảo tồn, trao truyền qua bao thế hệ, trở thành di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Thông qua tục hát Xoan nước nghĩa, đã góp phần bảo tồn và phát huy giá trị hai di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại - Hát Xoan và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ; đồng thời khơi dậy nét đẹp văn hóa truyền thống, sự gắn kết tình cảm giữa phường Xoan An Thái với tục giữ cửa đình tại đình Đông Chấn, làng Cao Mại./.

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	4
-------------------------	----------

CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA XẾP HẠNG QUỐC GIA

Di tích khảo cổ Sơn Vi, xã Sơn Vi	6
Di tích khảo cổ Phùng Nguyên, xã Kinh Kệ	9
Di tích khảo cổ Gò Mun, xã Tứ Xã.....	11
Đình Do Nghĩa, xã Sơn Vi.....	13
Đình Sơn Vi, xã Sơn Vi.....	16
Chùa Phúc Ân, xã Sơn Vi.....	18
Đình Hữu Bồ Thượng, xã Kinh Kệ.....	20
Đền Hữu Bồ Hạ, xã Kinh Kệ.....	23
Đền Lôi, xã Vĩnh Lại.....	25
Đình Cao Xá, xã Cao Xá.....	27
Đền Xa Lộc, xã Tứ Xã.....	29
Chùa Vĩnh Ninh, thị trấn Lâm Thao.....	31
Chùa Xuân Lũng, xã Xuân Lũng.....	33
Đình Đông Chấn, thị trấn Lâm Thao	36
Đình Bình Chính, thị trấn Lâm Thao.....	38
Chùa Sơn Lôi, xã Cao Xá.....	39
Cụm di tích đình, đền Sơn Dương, chùa An Phúc, xã Sơn Dương.....	41
Đền thờ Nguyễn Mẫn Đốc, xã Xuân Lũng.....	45

CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA XẾP HẠNG CẤP TỈNH

Di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, thị trấn Lâm Thao	47
Đình Đông, thị trấn Hùng Sơn.....	50
Đình Cả, xã Tiên Kiên.....	51
Cụm di tích đình, chùa Vĩnh Mộ.....	53

Đình Kinh Kệ, xã Kinh Kệ.....	55
Đền Giếng Giá, xã Sơn Vi.....	57
Nhà thờ Họ Nguyễn Ba Ngành, xã Xuân Lũng.....	59
Cụm di tích đình, chùa Lâm Nghĩa.....	61
Đình Bản Nguyên, xã Bản Nguyên.....	62
Chùa Quỳnh Lâm, xã Bản Nguyên.....	64
Đền Quỳnh Lâm, xã Bản Nguyên.....	65
Chùa Kinh Kệ, xã Kinh Kệ.....	66
Chùa Quan Mạc, xã Tiên Kiên.....	67
Cụm di tích đình, chùa Vu Tử, xã Hợp Hải.....	69
Chùa Linh Quang, xã Vĩnh Lại.....	70
Chùa Kim Cương, xã Vĩnh Lại.....	71
Chùa Kim Long, xã Vĩnh Lại.....	73
Chùa Phúc Chung, xã Tứ Xã.....	74
Chùa Sơn Vi, xã Sơn Vi.....	75
Đền thờ Nguyễn Đình Tương, xã Sơn Vi.....	77
Đình Hy Sơn, thị trấn Hùng Sơn.....	78
Đình Tập Lục, xã Tiên Kiên.....	79
Lăng Dục Mỹ, xã Cao Xá.....	80
Chùa Bồ Đề, xã Vĩnh Lại.....	81
Đền Trạng nguyên Vũ Duệ, xã Vĩnh Lại.....	83
Miếu Trò, xã Tứ Xã.....	86
Miếu Lạng Hồ, chùa Phúc Khánh, xã Hợp Hải.....	88
Từ đường họ Nguyễn Tam Sơn, xã Xuân Lũng.....	90
LỄ HỘI RƯỚC CHÚA GÁI.....	92
TỤC HÁT XOAN NƯỚC NGHĨA LÀNG CAO MẠI VÀ PHƯỜNG XOAN AN THÁI.....	101

Kỷ yếu di tích - lễ hội văn hóa huyện Lâm Thao

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN HOÀI GIANG

PBT, Chủ tịch UBND huyện

Chịu trách nhiệm nội dung

CAO XUÂN HẢI

UV BTV Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện

Trình bày sách

CÔNG TY CỔ PHẦN IN PHÚ THỌ

Sửa bản in

NGUYỄN THỊ THÙY LINH - NGUYỄN THỊ LÝ

In cuốn, tại Công ty Cổ phần In Phú Thọ. Giấy phép xuất bản số:/GP/STTTT do Sở TTTT tỉnh Phú Thọ cấp ngày tháng năm 2019. In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2019.